

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

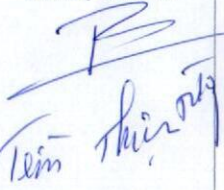
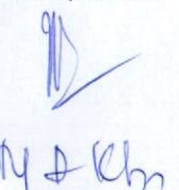
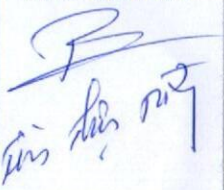
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (ĐCN) (228246) - Nhóm 01**

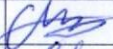
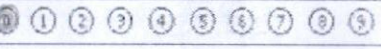
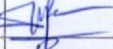
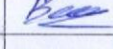
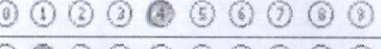
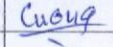
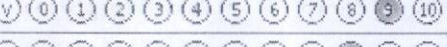
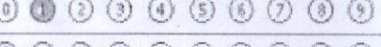
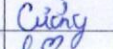
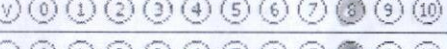
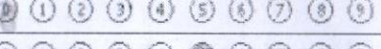
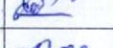
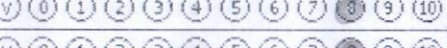
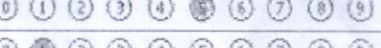
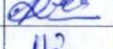
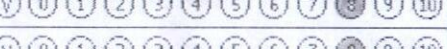
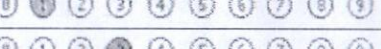
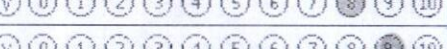
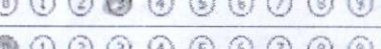
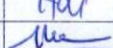
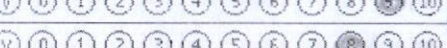
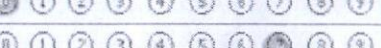
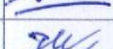
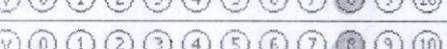
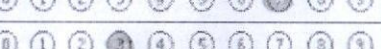
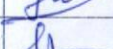
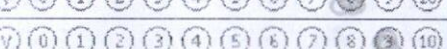
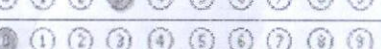
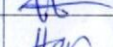
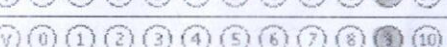
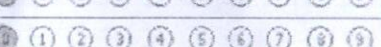
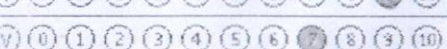
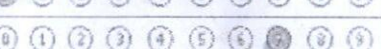
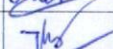
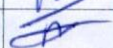
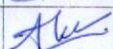
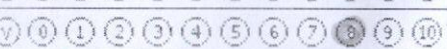
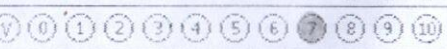
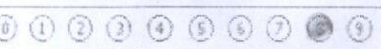
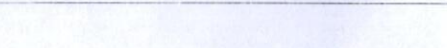
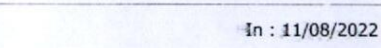
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (280099)**

Số SV có mặt: 85

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A				8,0	8,0	8,0		
2	2119050070	PHAN KIM TUẤN	07/04/2001	CCQ1905C				9,0	9,0	9,0		
3	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C				9,0	9,0	9,0		
4	2119050071	TRẦN GIA BẢO	01/01/2001	CCQ1905C				9,0	9,0	9,0		
5	2119050106	TRẦN GIA BẢO	17/09/2001	CCQ1905D				8,0	7,0	7,4		
6	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B				9,3	9,0	9,1		
7	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C				8,0	8,0	8,0		
8	2118050149	LƯƠNG PHÚ ĐẠT	30/06/2000	CCQ1805C				8,5	8,5	8,5		
9	2119050038	HỒ DUY ĐÔNG	05/07/2001	CCQ1905B				8,3	8,0	8,1		
10	2119050139	TRẦN MINH ĐỨC	01/04/2001	CCQ1905B				8,8	8,0	8,3		
11	2119050109	LÊ KHẮC HẢI	07/04/2001	CCQ1905D				9,0	9,0	9,0		
12	2119050110	NGUYỄN THANH HẢI	16/05/2000	CCQ1905D				9,0	8,5	8,7		
13	2119050003	PHẠM NGỌC HẢI	07/05/2001	CCQ1905A				8,8	8,0	8,3		
14	2119050111	TRẦN VĂN HẢI	02/08/2001	CCQ1905D				9,0	9,0	9,0		
15	2119050113	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	26/10/2001	CCQ1905D				9,0	9,0	9,0		
16	2119050004	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	CCQ1905A				8,0	7,5	7,7		
17	2119050041	NGÔ MINH HIẾU	02/08/2000	CCQ1905B				8,5	9,0	8,8		
18	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C				8,5	8,5	8,5		
19	2119050042	LÊ KHẮC HOAN	10/03/2001	CCQ1905B				9,0	8,0	8,4		
20	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C				9,0	7,0	7,8		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

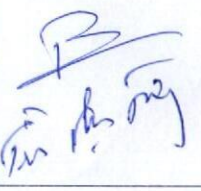
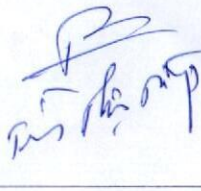
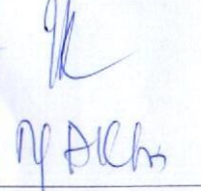
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (ĐCN) (228246) - Nhóm 01**

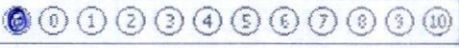
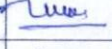
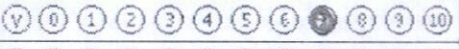
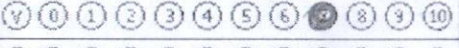
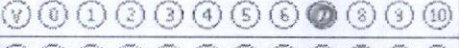
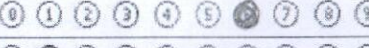
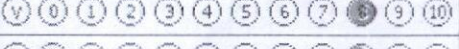
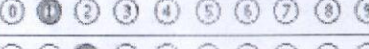
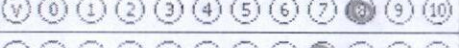
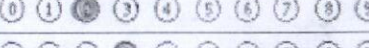
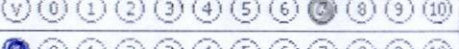
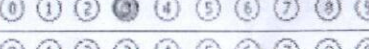
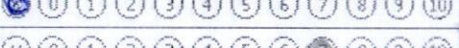
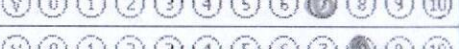
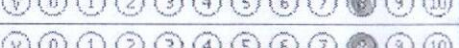
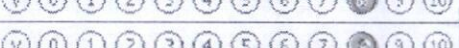
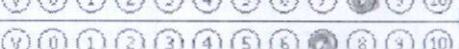
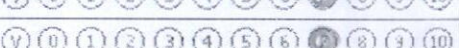
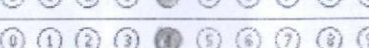
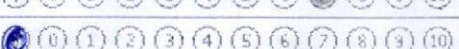
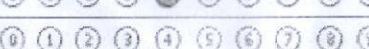
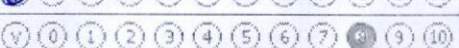
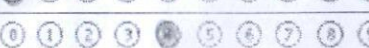
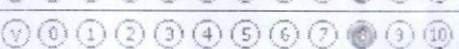
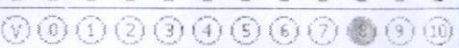
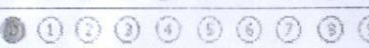
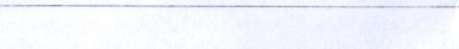
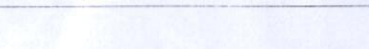
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (280099)**

Số SV có mặt: 85.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050005	HUỖNH ĐỨC	HUY	03/12/2001	CCQ1905A			8,8	8,0	8,3		
22	2119050006	NGUYỄN ĐỨC	HUY	21/02/2001	CCQ1905A							
23	2119050008	NGUYỄN THANH	HUY	01/02/2001	CCQ1905A			7,0	7,0	7,0		
24	2119050081	PHAN NGỌC	HUY	05/12/1998	CCQ1905C			7,0	7,0	7,0		
25	2119050082	VÕ VĂN	HUY	15/09/2001	CCQ1905C			8,5	7,0	7,6		
26	2119050010	VÕ VĂN	HỮU	06/03/2001	CCQ1905A			8,3	8,0	8,1		
27	2119050011	ĐẶNG LÊ	KHA	04/08/2001	CCQ1905A			8,5	8,0	8,2		
28	2119050043	NGUYỄN THANH	KHANG	20/07/2000	CCQ1905B			7,8	7,0	7,3		
29	2119050045	NGUYỄN ĐÌNH	KHÔI	04/12/2001	CCQ1905B							
30	2119050141	HUỖNH VĂN	KIỆT	29/06/2001	CCQ1905D			8,0	7,0	7,4		
31	2119050048	NGUYỄN HÙNG	LÂM	21/04/2001	CCQ1905B			9,0	8,0	8,4		
32	2119050013	NGUYỄN HỒNG	LĨNH	30/11/1999	CCQ1905A			9,5	8,0	8,6		
33	2119050140	TRẦN VĂN	LONG	29/10/2000	CCQ1905B			9,0	8,0	8,4		
34	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC	LONG	11/08/2000	CCQ1905C			8,0	7,0	7,4		
35	2119050086	NGUYỄN THÀNH	LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			8,0	7,0	7,4		
36	2119050050	VÕ NGỌC	LUẬN	02/07/2000	CCQ1905B							
37	2119050015	LƯƠNG TẤN	LỰC	11/07/2001	CCQ1905A			8,0	8,0	8,0		
38	2119050087	NGUYỄN VĂN	LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			9,0	8,0	8,4		
39	2119050014	LÊ QUANG	LƯU	23/10/2001	CCQ1905A			9,0	8,0	8,4		
40	2119050016	NGÔ ĐÌNH	NAM	20/10/2001	CCQ1905A			8,0	8,0	8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

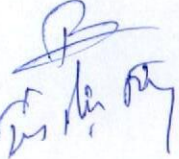
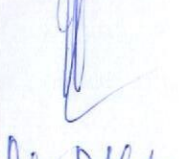
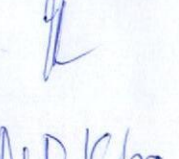
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (ĐCN) (228246) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (280099)**

Số SV có mặt: 85

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119050051	NGÔ NGUYỄN HOÀI	NAM	31/08/2001	CCQ1905B			9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2119050119	TRẦN PHƯƠNG	NAM	25/08/1998	CCQ1905D			8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2119050017	LÊ TRỌNG	NGHĨA	21/01/2001	CCQ1905A			9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2119050121	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D			9,5	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2118050037	NGUYỄN VĂN	NGỌC	07/02/1999	CCQ1805A			8,0	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2119050122	PHAN THANH	NHÂN	10/08/2000	CCQ1905D			9,5	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2119050018	VÕ VĂN	NHÂN	03/08/2001	CCQ1905A			8,3	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2119050123	LÂM HÀ	PHI	31/03/2001	CCQ1905D			9,5	9,0	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2119050124	NGUYỄN THANH	PHI	17/08/2001	CCQ1905D			8,5	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2119050126	ĐÀM VĂN	PHONG	26/11/1999	CCQ1905D			8,5	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2119050020	NGUYỄN ĐẮNG	PHONG	15/05/2000	CCQ1905A			8,8	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2119050021	NGÔ HOÀNG	PHÚC	25/10/2001	CCQ1905A			8,8	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2119050092	HUỖNH HỮU	PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2119050091	PHẠM NGỌC	PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2119050093	KIỀU NGỌC	QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			9,5	9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2119050022	ĐẶNG MINH	QUÂN	12/03/2001	CCQ1905A			8,5	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2119050094	HUỖNH VĂN	QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			8,0	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2119050129	TẶNG XUÂN	QUỖNH	25/03/2001	CCQ1905D			9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2119050053	NGUYỄN VĂN	SANG	27/05/2000	CCQ1905B			9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2119050023	TRẦN NGUYỄN TẤN	SANG	01/01/1999	CCQ1905A			9,0	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

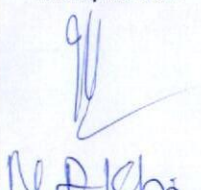
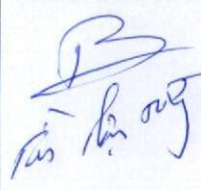
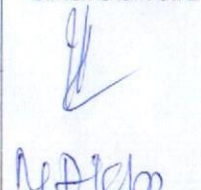
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (ĐCN) (228246) - Nhóm 01**

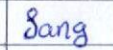
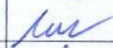
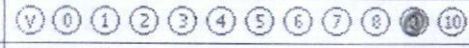
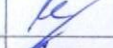
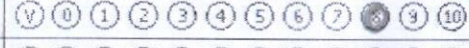
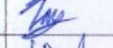
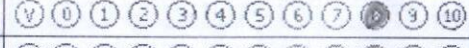
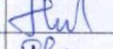
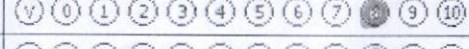
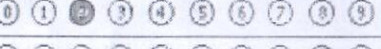
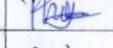
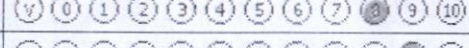
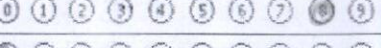
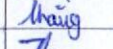
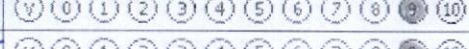
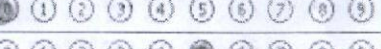
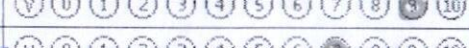
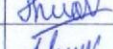
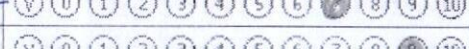
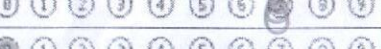
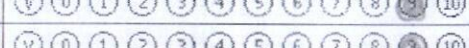
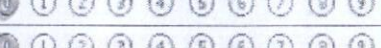
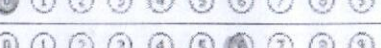
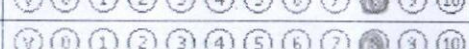
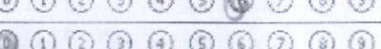
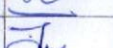
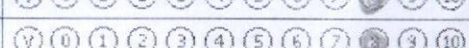
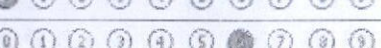
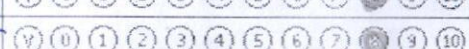
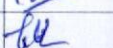
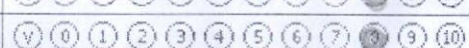
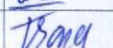
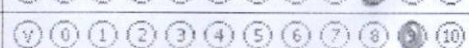
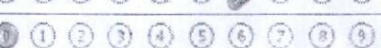
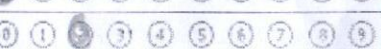
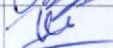
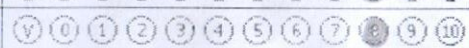
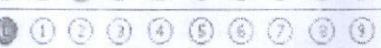
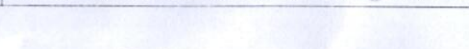
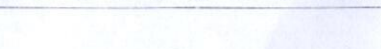
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (280099)**

Số SV có mặt: 85.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2119050024	TRẦN THANH SANG	16/12/2000	CCQ1905A				8,5	8,5	8,5		
62	2119050025	CAO HỮU TÀI	22/10/2001	CCQ1905A				9,0	9,0	9,0		
63	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C				9,0	9,0	9,0		
64	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C				9,0	8,0	8,4		
65	2119050056	TRẦN VĂN TÂN	22/10/2001	CCQ1905B				8,0	9,0	8,6		
66	2119050058	NGUYỄN TẤN THÀNH	02/04/2001	CCQ1905B				8,5	8,0	8,2		
67	2119050027	LÊ VĂN THẮNG	14/12/2000	CCQ1905A				9,3	8,5	8,8		
68	2119050132	TRỊNH QUỐC THẮNG	28/02/2001	CCQ1905D				9,0	9,0	9,0		
69	2119050099	BÁO VĂN LỘC	04/01/2001	CCQ1905C				9,5	9,5	9,5		
70	2119050135	NGUYỄN MINH THUẬN	20/11/2001	CCQ1905D				8,0	7,5	7,7		
71	2119050028	NGUYỄN VĂN THUẬN	10/02/2001	CCQ1905A				9,0	9,0	9,0		
72	2119050064	TRƯƠNG NHẬT TIẾN	21/06/2001	CCQ1905B				9,0	9,0	9,0		
73	2118050127	ĐỖ XUÂN TIẾN	28/04/2000	CCQ1805B				8,0	9,0	8,6		
74	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C				8,0	8,0	8,0		
75	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C				8,8	8,5	8,6		
76	2119050029	NGUYỄN THANH TÌNH	03/04/2001	CCQ1905A				8,5	8,5	8,5		
77	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C				8,8	8,5	8,6		
78	2119050030	KIỀU VĂN TRỌNG	26/10/2001	CCQ1905A				9,0	9,0	9,0		
79	2119050031	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	20/10/2001	CCQ1905A				8,5	8,0	8,2		
80	2119050137	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	16/08/2000	CCQ1905D				8,0	8,0	8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

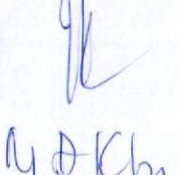
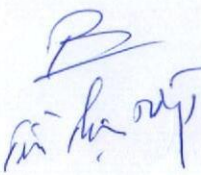
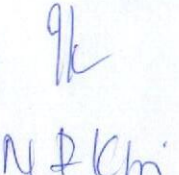
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (ĐCN) (228246) - Nhóm 01**

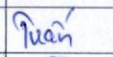
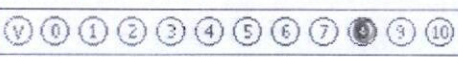
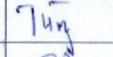
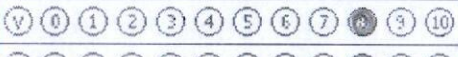
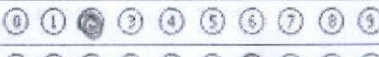
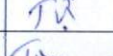
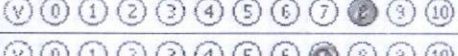
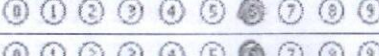
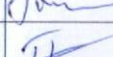
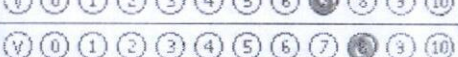
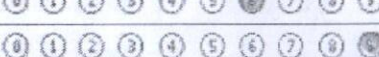
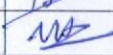
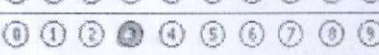
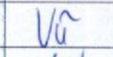
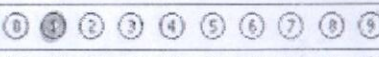
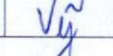
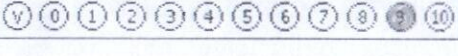
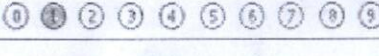
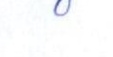
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (280099)**

Số SV có mặt: 85

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2119050065	TRẦN VĂN TUẤN	15/11/2001	CCQ1905B				8,0	8,0	8,0		
82	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A				8,0	8,5	8,2		
83	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C				8,0	9,0	8,6		
84	2119050066	CAO NHẬT TƯỜNG	02/03/2001	CCQ1905B				7,0	8,0	7,6		
85	2119050104	LƯU TRƯƠNG TY	21/05/2001	CCQ1905C				8,0	9,5	8,9		
86	2119050034	DƯƠNG VĂN ÚT	05/12/2001	CCQ1905A				7,5	8,8	8,3		
87	2119050068	NGUYỄN THANH VŨ	28/09/2001	CCQ1905B				8,5	9,5	9,1		
88	2119050069	PHAN THẾ VỸ	20/09/2001	CCQ1905B				8,5	9,5	9,1	